TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 332/2026/DS-ST
Ngày 21-7-2026
V/v tranh chấp thực hiện nhĩa vụ
Do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Chinh là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 21 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 503/2026/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2026 về việc "Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 400/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Dương Văn H, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Ấp LA, xã HM, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Ấp LA, xã HM, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

2. Anh Trần Hoàng T, sinh năm 1999; địa chỉ cư trú: Ấp LA, xã HM, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

3. Anh Trần Hoàng Tr, sinh năm 2003; địa chỉ cư trú: Ấp LA, xã HM, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

4. Ông Trần Văn S; địa chỉ cư trú: Ấp LA, xã HM, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

5. Bà Phạm Thị Lợt; địa chỉ cư trú: Ấp LA, xã HM, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Út N; địa chỉ cư trú: LA, xã HM, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Dương Văn H trình bày: Ngày 29/01/2026, ông có cho ông Trần Văn M vay số tiền 120.000.000đ, lãi suất 6.000.000đ/tháng, trả lãi hàng tháng, thỏa

thuận 01 tháng sau sẽ trả vốn, khi vay có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do ông Trần Văn M đứng tên, từ khi vay đến nay ông Miền chưa trả vốn, lãi. Ông M chết ngày 18/4/2026 nên hàng thừa kế thứ nhất của ông M là bà Q, anh T, anh Tr, ông S và bà L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ cho ông.

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, ông H yêu cầu bà Q, anh T, anh Tr, ông S và bà L cùng liên đới trả cho ông số tiền 138.000.000đ và lãi phát sinh từ ngày 29/4/2026 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Ông H đồng ý trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liên với đất do ông Trần Văn M đứng tên cho bà Q, anh T, anh Tr, ông S và bà L.

Tại phiên Tòa, ông H yêu cầu bà Q, anh T, anh Tr, ông S và bà L cùng liên đới trả cho ông tổng số tiền 131.466.000đ (gồm nợ gốc 120.000.000đ và số tiền lãi 11.466.000đ) và Ông đồng ý trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liên với đất do ông Trần Văn M đứng tên cho bà Q, anh T, anh Tr, ông S và bà L.

Bà Nguyễn Thị Kim Q trình bày: Khi vay số tiền 120.000.000đ, ông M không thông báo cho bà nhưng sau đó bà có nghe ông M nói có vay tiền dùm bà Trần Thị Út N. Bà không biết việc ông M vay ông H 120.000.000đ nên bà không đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của ông H. Ông Trần Văn M chết ngày 18/4/2026) có vợ là bà Nguyễn Thị Kim Q, các con là anh Trần Hoàng T, anh Trần Hoàng Tr, cha là ông Trần Văn S, mẹ là bà Phạm Thị L. Khi ông M chết, vợ chồng chỉ có một phần đất đang thế chấp cho ông H có giá trị 1.000.000.000đ, ngoài ra không có tài sản nào khác. Bà không đồng ý trả trả số tiền nợ theo yêu cầu khởi kiện của ông H.

Đối với anh Trần Hoàng T, anh Trần Hoàng Tr, ông Trần Văn S, bà Phạm Thị L và bà Trần Thị Út N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Hoàng T, anh Trần Hoàng Tr, ông Trần Văn S, bà Phạm Thị L và bà Trần Thị Út N đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ông H khởi kiện yêu cầu bà Q, anh T, anh Tr, ông S và bà L cùng liên đới trả cho ông số tiền nợ 131.466.000đ của ông M. Nên quan hệ pháp luật pháp sinh trong vụ án được xác định "Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[3.1] Về yêu cầu trả số tiền nợ 131.466.000đ, xét thấy: Theo lời trình bày của nguyên đơn, bà Q và biên nhận vay tiền ngày 29/01/2026, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ngày 29/01/2026, ông H đã cho ông Trần Văn M vay số tiền 120.000.000đ, lãi suất 6.000.000đ/tháng, trả lãi hàng tháng, không thỏa thuận thời hạn trả, khi vay có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do ông Trần Văn M đứng tên. Theo ông H xác định từ khi vay đến khi ông M chết chưa trả vốn lãi nên việc ông H yêu cầu trả số tiền vốn 120.000.000đ và tiền lãi 11.466.000đ là phù hợp quy định tại Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Khi chết ông có đứng tên phần đất diện tích 363,2m^2 thuộc thửa 199, tờ bản đồ số 9 tọa lạc ấp LA, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau (nay là ấp LA, xã HM, tỉnh Cà Mau) và theo ông H, bà Q thống nhất xác định giá trị phần đất là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng). Do đó, theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật dân sự bà Q, anh T, anh Tr, ông S và bà L cùng có nghĩa vụ trả số tiền nợ trên cho ông H.

[3.2] Ông H đang quản lý bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do ông Trần Văn M đứng tên nên cần buộc ông H trả lại bà Q, anh T, anh Tr, ông S và bà L.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc bà Q, anh T, anh Tr, ông S và bà L cùng liên đới trả cho ông H số tiền 131.466.000đ. Buộc ông H trả lại bà Q, anh T, anh Tr, ông S và bà L bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do ông Trần Văn M đứng tên.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 3.450.000đ được nhận lại. Bà Q, anh T, anh Tr, ông S và bà L phải chịu 131.466.000đ x 5% = 6.573.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 466, Điều 468 và Điều 615 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim Q, anh Trần Hoàng T, anh Trần Hoàng Tr, ông Trần Văn S, bà Phạm Thi L liên đới trả cho ông Dương Văn H số tiền 131.466.000đ (một trăm ba mươi mốt triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

Buộc ông Dương Văn H trả cho bà Nguyễn Thị Kim Q, anh Trần Hoàng T, anh Trần Hoàng Tr, ông Trần Văn S, bà Phạm Thi L bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên ông Trần Văn M số DD 702769 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 14/02/2022.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Văn H không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 3.450.000đ (ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0005520 ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được nhận lại. Bà Nguyễn Thị Kim Q, anh Trần Hoàng T, anh Trần Hoàng Tr, ông Trần Văn S, bà Phạm Thi L phải chịu 6.573.000đ (sáu triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Quốc Trạng